TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2018
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thoa**

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Lê Thị Thanh Thủy** - Cán bộ nghỉ hưu
Bà **Mai Tường Vi** - Cán bộ nghỉ hưu
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Bich Hồng** - Chức vụ: Kiểm sát viên.
Thư ký ghi biên bản phiên toà:
Ông **Lê Đức Long** - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc ***"Tranh chấp về không công nhận là vợ chồng, nuôi con*** " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1986
Nghề nghiệp: Công nhân
Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ A, khu B, phường C, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1986
Nghề nghiệp: Kinh doanh
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở : Tổ A, khu B, phường C, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh. - Có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà anh Nguyễn Ngọc K đều trình bày: Anh K và chị Lê Thị H quen biết, có tổ chức đám cưới về chung sống cùng nhau từ tháng 7/2010 nhưng hai người không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống cùng gia đình anh K ở tổ A khu B, phường C, thành phố D. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn bởi hai người không hòa hợp về cách sống, không tin tưởng nhau, nhiều lần xảy ra cãi nhau. Tháng 9/2011 anh K và chị H thuê nhà ở cùng nhau đến tháng 9/2014 chị H đưa con lên Hà Nội sống, thỉnh thoảng anh K cú lờn thăm con. Đến tháng 12/2015 hai người lại về thuê nhà chung sống cùng nhau, đến tháng 10/2017 xảy ra mâu thuẫn chị H về sống tại nhà cậu tại tổ A, khu B, phường C, anh K về sống với bố mẹ. Hai người có thời gian ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau, nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H quá trình chung sống với nhau có một con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 04/06/2011. Anh K xin được quyền nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Thu nhập bình quân của anh K là 14.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: anh K và chị H không có tài sản chung, công nợ chung không có.

Đối với bị đơn chị Lê Thị H tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa cũng có quan điểm trình bày chị và anh K chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh K từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2011 không đăng ký kết hôn, do hai người mâu thuẫn không thể chung sống cùng nhau được, nay chị cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Ngọc K là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh K có một con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 04/06/2011. Chị H xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con.Thu nhập của chị H là 8.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Chị H và anh K không có tài sản chung, công nợ chung không có.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn của mình. Việc thụ lý vụ án đúng trình tự, thẩm quyền, xác định đúng

quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ của Thẩm phán cơ bản đó đảm bảo đúng quy định. Thời hạn xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, việc giao các thông báo, quyết định cho VKS và những người tham gia tố tụng đúng hạn luật định. Tại phiên tũa hội đồng xột xử đó thực hiện chức năng nhiệm vụ, đảm bảo đỳng nguyờn tắc xột xử. Nguyờn đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mỡnh theo quy định tại điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dõn sự năm 2015. Căn cứ điều 14, 53 Luật hôn nhân gia đình nhận thấy yêu cầu khởi kiện không công nhận là vợ chồng của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình đề nghị hội đồng xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H để chị H được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 07/2010 không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Quá trình chung sống anh K và chị H phát sinh mâu thuẫn. Hiện hai người đã sống ly thân không còn tình cảm với nhau. Nay anh K có đơn và chị H cũng đề nghị Tòa án không công nhận anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H là vợ chồng.

Căn cứ điều 14, điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H đề nghị không công nhận anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H là vợ chồng là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H có một con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 04/6/2011. Anh K xin được nuôi con chung vì hiện anh có việc làm, có thu nhập ổn định, có tiền tiết kiệm trị giá 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng), anh có nhà ở đang sống cùng bố mẹ, thời gian hai người chung sống cùng nhau, anh vẫn có trách nhiệm cùng chị Hiền nuôi dưỡng và chăm sóc cho con, anh đi làm xong vẫn có thể đưa đón con đi học. Chị H cũng xin được nuôi con chung hiện chị có nhà riêng đang cho thuê, mẹ con chị có hộ khẩu riêng, cùng khu nhà của cậu mợ nhưng hai mẹ con có phòng ở độc lập, chị kinh doanh cũng có thu nhập, và có thời gian để chăm sóc cho con nhiều hơn, chị đủ điều kiện để nuôi con. Con của anh K và chị H chưa đủ tuổi lấy lời khai. Thời gian anh K và chị H sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay con chung đang ở với chị H. Mặt khác con chung của anh K và chị H là con gái, để ổn định việc ăn ở và học hành cũng như sự phát

triển tâm sinh lý, và sự chăm sóc chỉ bảo của người mẹ cho con gái khi bước vào lứa tuổi dậy thì, nên giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ quy định tại điều 14, điều 15, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy nên giao con cho chung cho chị H nuôi là phù hợp.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H không có tài sản chung và công nợ chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 7 Điều 28; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 53; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận anh Nguyễn Ngọc K và chị Lê Thị H là vợ chồng.

Giao cho chị Lê thị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 04/6/2011 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh nguyễn Ngọc K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp ngày 01/11/2017 theo biên lai thu tiền số 0009717 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q/N;
- VKSND thành phố C/P;
- CCTHADS thành phố C/P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.